



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực văn phòng mỏ (X=1222 032; Y=620 686)
Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.091202
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	57,5	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	28,6	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	73,1	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(*)	0,2	-	-
5	Bụi	µg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	115	-	300
6	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	48,0	-	200
7	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	56,9	-	350
8	CO	µg/m ³	HDLM-KK01	HDPT-KK01(*)	3.887	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-2	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực dân cư phía Tây mỏ (X=1222 628; Y=620 100)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.091203
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	58,7	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	33,2	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	70,4	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(*)	0,5	-	-
5	Bụi	µg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	126	-	300
6	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	55,9	-	200
7	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	63,3	-	350
8	CO	µg/m ³	HDLM-KK01	HDPT-KK01(*)	4.091	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-3	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực trên đường ĐT 746 ngã 3 đoạn vào mỏ (X=1222 798; Y=618 749)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.091204
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	57,4	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	32,9	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT(*)	68,7	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(*)	0,3	-	-
5	Bụi	µg/m³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	140	-	300
6	NO ₂	µg/m³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	67,5	-	200
7	SO ₂	µg/m³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	79,8	-	350
8	CO	µg/m³	HDLM-KK01	HDPT-KK01(*)	4.552	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-4	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực sân công nghiệp (X=1222 081; Y=620 803)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KL.091202
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(a)	62,4	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT ^(a)	32,6	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT ^(a)	68,6	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,3	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,45	8	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(a)	0,40	-	10	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(a)	0,62	-	10	-	-
8	CO	mg/m ³	HDLM-KK01	HDPT-KK01 ^(a)	6,19	-	40	-	-

Ghi chú/ Note:

(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

Ⓜ <http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-5	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực moong khai thác (X=1222 872; Y=620 963)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KL.091203
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(a)	69,6	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT ^(a)	32,7	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT ^(a)	67,5	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,5	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,39	8	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(a)	0,34	-	10	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(a)	0,52	-	10	-	-
8	CO	mg/m ³	HDLM-KK01	HDPT-KK01 ^(a)	5,86	-	40	-	-

Ghi chú/ Note:

(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/STY-NVY.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-6	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực phía Đông SCN (X=1222 000; Y=620 945)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KL.091204
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(a)	65,3	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT ^(a)	32,3	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT ^(a)	69,6	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,4	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,35	8	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(a)	0,29	-	10	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(a)	0,41	-	10	-	-
8	CO	mg/m ³	HDLM-KK01	HDPT-KK01 ^(a)	5,67	-	40	-	-

Ghi chú/ Note:

(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/SYT-NVY.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-7	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Đường vận chuyển nội mỏ (X=1222 555; Y=620 839)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KL.091205
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Thoáng, các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(a)	69,8	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT ^(a)	33,1	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BNTMT	QCVN 46:2012/BNTMT ^(a)	68,4	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ ^(a)	0,5	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(a)	0,30	8	-	-	-
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(a)	0,26	-	10	-	-
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(a)	0,37	-	10	-	-
8	CO	mg/m ³	HDLM-KK01	HDPT-KK01 ^(a)	5,29	-	40	-	-

Ghi chú/ Note:

(a): Chỉ tiêu được công nhận theo quyết định 6686/SYT-NVY.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-8	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : KV hồ thu nước khai trường (X=1221 934; Y=620 991)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NT.091203
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A Kq=1; Kf=0,9
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,32	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	KPH (MDL=5)	45
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	14	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 ^(*)	47	67,5
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	4,5
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	3,6
7	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017 ^(*)	< 0,133 ^(a)	0,9
8	As	mg/L	TCVN 6626:2000 ^(**)	KPH (MDL=0,00065)	0,045
9	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017 ^(**)	KPH (MDL=0,00013)	0,045
10	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996 ^(**)	KPH (MDL=0,015)	2,7
11	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017 ^(**)	KPH (MDL=0,0021)	0,09
12	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,3)	4,5
13	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	110	3.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

(a) : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-9	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Hồ lắng phía Tây mỏ (X=1222 842; Y=620 782)**
 Địa chỉ/ Address : **Áp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương**
 Loại mẫu/ Type of sample : **Nước thải**
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : **NT.091204**
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : **12/09/2023**
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : **13/09/2023 – 19/09/2023**
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : **Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường**
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : **TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011**
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A Kq=1; Kf=0,9
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,51	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	< 17 ^(a)	45
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008 ^(*)	9	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 ^(*)	30	67,5
5	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	0,28	4,5
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,42	3,6
7	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017 ^(*)	1,76	0,9
8	As	mg/L	TCVN 6626:2000 ^(**)	KPH (MDL=0,00065)	0,045
9	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017 ^(**)	KPH (MDL=0,00013)	0,045
10	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996 ^(**)	KPH (MDL=0,015)	2,7
11	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017 ^(**)	KPH (MDL=0,0021)	0,09
12	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,3)	4,5
13	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	780	3.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

(a) : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-10	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/2
-------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực rạch Ró cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn (X=1222 608; Y=618 912)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước mặt
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NM.091201
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011



Kết quả thử nghiệm/ Testing results

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT – Mức C
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,46	6,0 – 8,5
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016 ^(*)	3,86	≥ 4,0
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	40	> 100 và không có rác nổi
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008 ^(*)	8	≤ 10
5	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 ^(*)	17	≤ 20
6	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	0,95	0,3
7	NO ₂ ⁻ _N	mg/L	SMEWW 4500NO ₂ ⁻ .B:2017 ^(*)	0,03	0,05
8	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	TCVN 6180:1996 ^(*)	0,41	-
9	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,39	≤ 0,5
10	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,3)	5
11	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017 ^(*)	1,54	0,5
12	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996 ^(**)	KPH (MDL=0,015)	0,5
13	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017 ^(**)	KPH (MDL=0,016)	0,1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-10	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 2/2
-------------------------	---	-------------------------------

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT – Mức C
14	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00065)	0,01
15	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,0021)	0,02
16	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,00013)	0,005
17	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	2.700	≤ 7.500

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-11	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/2
-------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Sông Đồng Nai vị trí tiếp nhận nước từ rạch Ró (X=1222 270; Y=618 489)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước mặt
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NM.091202
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date: 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011



Kết quả thử nghiệm/ Testing results

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT – Mức C
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,39	6,0 – 8,5
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016 ^(*)	3,94	≥ 4,0
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	36	> 100 và không có rác nổi
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008 ^(*)	9	≤ 10
5	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 ^(*)	19	≤ 20
6	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	1,02	0,3
7	NO ₂ ⁻ _N	mg/L	SMEWW 4500NO ₂ ⁻ .B:2017 ^(*)	0,06	0,05
8	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	TCVN 6180:1996 ^(*)	0,88	-
9	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,25	≤ 0,5
10	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,3)	5
11	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017 ^(*)	1,10	0,5
12	Zn	mg/L	TCVN 6193:1996 ^(**)	KPH (MDL=0,015)	0,5
13	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017 ^(**)	KPH (MDL=0,016)	0,1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-11	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 2/2
-------------------------	---	-------------------------------

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT – Mức C
14	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00065)	0,01
15	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,0021)	0,02
16	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017(**)	KPH (MDL=0,00013)	0,005
17	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	9.300	≤ 7.500

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-12	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
-------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực văn phòng (X=1221 995; Y=620 687)
 Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước dưới đất
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NN.091201
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-14:2018

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 09:2023/BTNMT
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,68	5,8 – 8,5
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	KPH (MDL=3)	-
3	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2017(*)	53,0	500
4	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996(*)	22,4	250
5	SO ₄ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500SO ₄ ²⁻ .E:2017(*)	29,7	400
6	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017(*)	1,32	5
7	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00060)	0,05
8	Pb	mg/L	SMEWW 3113.B:2023(**)	KPH (MDL=0,0022)	0,01
9	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008(**)	KPH (MDL=0,00025)	0,001
10	Cd	mg/L	SMEWW 3113.B:2023(**)	KPH (MDL=0,00015)	0,005
11	Zn	mg/L	SMEWW 3111.B:2023(**)	KPH (MDL=0,0030)	3
12	E. Coli	MPN/100mL	SMEWW 9221F:2017(*)	KPH (MDL=2)	KPH
13	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	KPH (MDL=2)	3

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 ☎ 0949 825 262
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 ✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 23.09.7187/13-13	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	20/09/2023 Trang/Page: 1/1
-------------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **MỎ ĐÁ TÂN MỸ**
Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu dân cư phía Tây mỏ (X=1222 731; Y=620 389)
Địa chỉ/ Address : Ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Loại mẫu/ Type of sample : Nước dưới đất
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NN.091202
Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 12/09/2023
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 13/09/2023 – 19/09/2023
Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-14:2018

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 09:2023/BTNMT
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,83	5,8 – 8,5
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	KPH (MDL=5)	-
3	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2017(*)	44,3	500
4	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996(*)	18,6	250
5	SO ₄ ²⁻	mg/L	SMEWW 4500SO ₄ ²⁻ .E:2017(*)	23,1	400
6	Fe	mg/L	SMEWW 3500FeB:2017(*)	0,97	5
7	As	mg/L	TCVN 6626:2000(**)	KPH (MDL=0,00060)	0,05
8	Pb	mg/L	SMEWW 3113.B:2023(**)	KPH (MDL=0,0022)	0,01
9	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008(**)	KPH (MDL=0,00025)	0,001
10	Cd	mg/L	SMEWW 3113.B:2023(**)	KPH (MDL=0,00015)	0,005
11	Zn	mg/L	SMEWW 3111.B:2023(**)	KPH (MDL=0,0030)	3
12	E. Coli	MPN/100mL	SMEWW 9221F:2017(*)	KPH (MDL=2)	KPH
13	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	KPH (MDL=2)	3

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn